HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 28 /2017/NQ-HĐND	*Quảng Nam, ngày 19 tháng 7 năm 2017*

Người ký: Sở Tư pháp
Email: stp@quangnam.gov.vn
Thời gian ký: 22.08.2017 14:42:04 +07:00

NGHỊ QUYẾT
Sửa đổi quy định về lệ phí hộ tịch, lệ phí đăng ký cư trú, lệ phí chứng minh nhân dân

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM
KHÓA IX, KỲ HỌP THỨ 5

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Phí và lệ phí ngày 25 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ về quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật phí và lệ phí;

Căn cứ Thông tư số 250/2016/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Xét Tờ trình số 3489/TTr-UBND ngày 07 tháng 7 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh về sửa đổi một số loại lệ phí đã ban hành và quy định mức thu, nộp, quản lý và sử dụng một số loại phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra số 86/BC-HĐND ngày 13 tháng 7 năm 2017 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Sửa đổi các trường hợp miễn thu lệ phí hộ tịch, lệ phí đăng ký cư trú, lệ phí chứng minh nhân dân quy định tại Khoản 3, Điều 15, Nghị quyết số 33/2016/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh về quy định đối với một số loại phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh như sau:

1. Đối với lệ phí hộ tịch

a) Trẻ em, hộ nghèo, người cao tuổi, người khuyết tật; người có công với cách mạng và thân nhân người có công theo Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng; người dân sinh sống tại các xã, thôn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; đồng bào dân tộc thiểu số ở các huyện miền núi.

b) Đăng ký khai sinh đúng hạn, khai tử đúng hạn; đăng ký giám hộ, chấm dứt giám hộ; đăng ký kết hôn của công dân Việt Nam cư trú ở trong nước thực hiện tại Ủy ban nhân dân cấp xã; đăng ký khai sinh đúng hạn, khai tử đúng hạn,

đăng ký kết hôn có yếu tố nước ngoài thực hiện tại Ủy ban nhân dân cấp xã ở khu vực biên giới.

2. Đối với lệ phí đăng ký cư trú

a) Trẻ em, hộ nghèo, người cao tuổi, người khuyết tật; người có công với cách mạng và thân nhân người có công theo Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng; người dân sinh sống tại các xã, thôn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; đồng bào dân tộc thiểu số ở các huyện miền núi; công dân dưới 18 tuổi mồ côi cả cha lẫn mẹ không nơi nương tựa, công dân thường trú tại các xã biên giới.

b) Điều chỉnh những thay đổi trong sổ hộ khẩu, sổ tạm trú do Nhà nước thay đổi địa giới hành chính, tên đường phố, số nhà; xóa tên trong sổ hộ khẩu, sổ tạm trú.

c) Điều chỉnh những thay đổi trong sổ hộ khẩu, sổ tạm trú khi có sai sót về thông tin trong sổ hộ khẩu, sổ tạm trú do lỗi của cơ quan quản lý cư trú.

3. Đối với lệ phí chứng minh nhân dân

a) Trẻ em, hộ nghèo, người cao tuổi, người khuyết tật; người có công với cách mạng và thân nhân người có công theo Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng; người dân sinh sống tại các xã, thôn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; đồng bào dân tộc thiểu số ở các huyện miền núi; công dân dưới 18 tuổi mồ côi cả cha lẫn mẹ, không nơi nương tựa, công dân thường trú tại các xã biên giới.

b) Cấp đổi chứng minh nhân dân do Nhà nước thay đổi địa giới hành chính, tên đường phố, số nhà.

c) Cấp đổi chứng minh nhân dân khi có sai sót về thông tin trên chứng minh nhân dân do lỗi của cơ quan quản lý chứng minh nhân dân.

Điều 2. Sửa đổi mức thu lệ phí hộ tịch, lệ phí đăng ký cư trú, lệ phí chứng minh nhân dân quy định tại Khoản 4, Điều 15, Nghị quyết số 33/2016/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh như sau:

1. Lệ phí hộ tịch

a) Mức thu áp dụng đối với việc đăng ký hộ tịch tại Ủy ban nhân dân cấp xã:

ĐVT: đồng/trường hợp

TT	Nội dung	Mức thu
1	Khai sinh (bao gồm: đăng ký khai sinh không đúng hạn, đăng ký lại khai sinh, đăng ký khai sinh cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân)	10.000
2	Khai tử (bao gồm: đăng ký khai tử không đúng hạn, đăng ký lại khai tử)	10.000
3	Kết hôn (đăng ký lại kết hôn)	30.000
4	Nhận cha, mẹ, con	15.000

5	Thay đổi, cải chính hộ tịch cho người chưa đủ 14 tuổi; bổ sung hộ tịch	15.000
6	Xác nhận hoặc ghi vào Sổ hộ tịch các việc hộ tịch khác hoặc đăng ký hộ tịch khác	10.000

b) Mức thu áp dụng đối với việc đăng ký hộ tịch tại Ủy ban nhân dân cấp huyện:

ĐVT: đồng/trường hợp

TT	Nội dung	Mức thu
1	Khai sinh (bao gồm: đăng ký khai sinh đúng hạn, không đúng hạn, đăng ký lại khai sinh, đăng ký khai sinh cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân)	75.000
2	Khai tử (bao gồm: đăng ký khai tử đúng hạn, không đúng hạn, đăng ký lại khai tử)	75.000
3	Kết hôn (bao gồm đăng ký kết hôn mới, đăng ký lại kết hôn)	1.500.000
4	Giám hộ, chấm dứt giám hộ	75.000
5	Nhận cha, mẹ, con	1.500.000
6	Thay đổi, cải chính hộ tịch cho người từ đủ 14 tuổi trở lên cư trú trong nước; xác định lại dân tộc; thay đổi, cải chính, bổ sung hộ tịch có yếu tố nước ngoài.	30.000
7	Ghi vào Sổ hộ tịch việc hộ tịch của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài	75.000
8	Đăng ký hộ tịch khác	75.000

2. Lệ phí đăng ký cư trú

ĐVT: đồng/lần đăng ký

TT	Nội dung	Mức thu	
		Các phường thuộc thành phố Tam Kỳ, Hội An và thị xã Điện Bàn	Khu vực khác
1	Cấp mới, cấp lại, cấp đổi sổ hộ khẩu; sổ tạm trú cho hộ gia đình, cho cá nhân	20.000	10.000
2	Đăng ký thường trú, đăng ký tạm trú cả hộ hoặc một người nhưng không cấp sổ hộ khẩu, sổ tạm trú.	10.000	5.000

3	Điều chỉnh những thay đổi trong sổ hộ khẩu, sổ tạm trú.	10.000	5.000
4	Gia hạn tạm trú.	10.000	5.000

3. Lệ phí chứng minh nhân dân

ĐVT: đồng/lần cấp

Nội dung	**Mức thu**	
	Các phường thuộc thành phố Tam Kỳ, Hội An và thị xã Điện Bàn	Khu vực khác
Cấp lần đầu, cấp lại, cấp đổi.	10.000	5.000

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

3. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 8 năm 2017; các nội dung tại Khoản 3, Khoản 4, Điều 15, Nghị quyết số 33/2016/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh hết hiệu lực kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh khóa IX, kỳ họp thứ 5 thông qua ngày 19 tháng 7 năm 2017.

Nơi nhận:
- UBTVQH;
- VP: QH, CTN, CP;
- Ban CTĐB-UBTVQH;
- Bộ Tài chính;
- Cục KT VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- Ban TVTU, TT HĐND, UBND tỉnh;
- UBMTTQVN, Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các Ban HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- VP: Tỉnh ủy, UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể thuộc tỉnh;
- TT HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- TTXVN tại Q.Nam;
- Báo Q.Nam, Đài PT-TH Q.Nam;
- VP HĐND tỉnh: CPVP, CV;
- Lưu: VT, TH(Bình).

CHỦ TỊCH

(đã ký)

Nguyễn Ngọc Quang